

Số: 2334/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 18 tháng 10 năm 2018

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy trình liên thông về giải quyết thủ tục hành chính  
Cấp phiếu Lý lịch tư pháp và Cấp chứng chỉ hành nghề trên địa bàn  
tỉnh Thừa Thiên Huế theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 75/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/BKHCN ngày 10/10/2014 về quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh Thừa Thiên Huế,

### QUYẾT ĐỊNH:

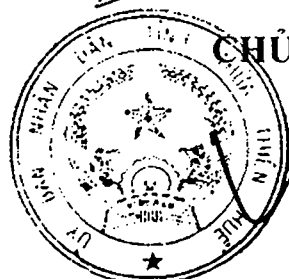
**Điều 1.** Ban hành Quy trình liên thông về giải quyết thủ tục hành chính Cấp phiếu Lý lịch tư pháp và Cấp chứng chỉ hành nghề trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 18/10/2018.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tư pháp, Y tế; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP: Các PCVP, KS.TTHC;
- Lưu VT, TKISO.



CHỦ TỊCH

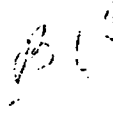
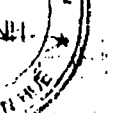

Phan Ngọc Thọ


ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

QUY TRÌNH

Liên thông về giải quyết thủ tục hành chính Cấp phiên Lý lịch tư pháp  
và Cấp chứng chỉ hành nghề trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Mã số: 01.1157-50/CC

	Người soạn thảo	Người xem xét	Người phê duyệt
Họ và tên	Trương Bình Kiệt	Trần Thị Hoài	Phạm Ngọc Thọ
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Phó Chính Văn phòng	Chủ tịch UBND tỉnh

	<b>QUY TRÌNH</b>	Mã số 01.H57-50/CC
	<b>Liên thông về giải quyết thủ tục hành chính Cấp phiếu Lý lịch tư pháp và Cấp chứng chỉ hành nghề trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế</b>	Ban hành lần: 01 Ngày: 13/10/2018

<b>THEO LỘ TRÌNH TRẠNG SỬA ĐỔI</b>			
Ngày tháng	Trang/Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung thay đổi	Lần ban hành/sửa đổi
15/10/2018			01

<b>PHÂN PHỐI TÀI LIỆU</b>	
Lãnh đạo UBND tỉnh	3
Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	4
Sở Y tế, Sở Tư pháp	2
Thư ký ISO	1
CBCCVV: Cổng Thông tin điện tử; Công bố tại Trang thông tin điều hành tác nghiệp; Cổng Dịch vụ công tỉnh.	*

## **QUY TRÌNH**

### **Liên thông về giải quyết thủ tục hành chính Cấp phiếu Lý lịch tư pháp và Cấp chứng chỉ hành nghề trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~2334~~ **2334**/QĐ-UBND ngày **18/10/2018**  
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

### **I. MỤC ĐÍCH**

Quy trình này quy định trình tự, thủ tục và cách thức, trách nhiệm thực hiện trong giải quyết thủ tục hành chính: “Liên thông về Cấp phiếu Lý lịch tư pháp và Cấp chứng chỉ hành nghề trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế”.

Giảm thời gian giải quyết TTHC tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi tham gia giải quyết TTHC.

### **II. PHẠM VI ÁP DỤNG**

Quy trình này được áp dụng cho 02 thủ tục hành chính được liên thông, gồm:

1. Cấp phiếu Lý lịch tư pháp: Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp.
2. Cấp chứng chỉ hành nghề dược/khám chữa bệnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế.

Công dân/Tổ chức sẽ thực hiện việc nộp 02 TTHC liên thông cùng một thời điểm tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ Công dân/Tổ chức chuẩn bị nộp hồ sơ; giám sát quá trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC của 02 Sở: Tư pháp và Y tế.

### **III. CƠ SỞ PHÁP LÝ - TÀI LIỆU VIỆN DẪN**

- Luật số 28/2009/QH12 của Quốc hội, ban hành ngày 17/06/2009;
- Luật số 105/2016/QH13 của Quốc hội ban hành ngày 06/04/2016;
- Nghị định số 111/2010/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 23/11/2010;
- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 08/05/2017;
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính
- Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP của Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng ban hành ngày 10/05/2012;

- Thông tư số 244/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 11/11/2016;
- Thông tư số 16/2013/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành ngày 11/11/2013;
- Thông tư số 277/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 14/11/2016;
- Quyết định số 2877/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trong giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức.
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

#### **IV. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT**

- **Bộ phận TNTKQ:** Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả.
- **Bộ phận HC-TH:** Bộ phận Hành chính - Tổng hợp.
- **TTHC:** Thủ tục hành chính.
- **HTGS:** Hỗ trợ - Giám sát;
- **LLTP:** Lý lịch tư pháp;
- **CCHN:** Chứng chỉ hành nghề;
- **TT.PVHCC:** Trung tâm Phục vụ hành chính công.

## V. NỘI DUNG QUY TRÌNH

### V.1. Lưu đồ:

TT	Người thực hiện	Trình tự công việc	Thời gian thực hiện (giờ làm việc)	Mẫu biểu, tài liệu liên quan
1.	Công dân	Nộp hồ sơ liên thông giải quyết TTHC		
2.	Bộ phận HT-GS	Tiếp nhận, hướng dẫn, cung cấp tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp	5 phút	
3.	Công dân	Chuẩn bị hồ sơ; kê khai thông tin các tờ khai, nộp hồ sơ xin cấp Phiếu lý lịch tư pháp		
4.	Bộ phận TN&TKQ Sở Tư pháp tại TT.HCC	Tiếp nhận, trả CD phiếu TN&TKQ cấp Phiếu LLTP	5 phút	Tham chiếu quy trình Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp. BM 01-04/CC BM 02-04/CC
5.	Công dân	Khai, nộp hồ sơ xin cấp CCHN, trong đó thành phần Phiếu LLTP chính là phiếu TN&TKQ cấp Phiếu LLTP		
6.	Bộ phận TN&TKQ Sở Y tế tại TT.HCC	Tiếp nhận, trả CD phiếu TN&TKQ cấp CCHN	5 phút	Tham chiếu quy trình Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp. BM 01-04/CC BM 02-04/CC
7.	Các bộ phận chuyên môn của Sở: Tư pháp, Y tế	Thực hiện giải quyết công việc theo quy trình	10 ngày (đ/v cấp phiếu LLTP); 20 ngày (đ/v cấp CCHN được); 30 ngày (đ/v cấp CCHN khám chữa bệnh)	

8.	Bộ phận TN&TKQ Sở Tư pháp tại TT.HCC	Trả kết quả Phiếu LLTP, chuyên cho Bộ phận TN&TKQ Sở Y tế tại TT.HCC	5 phút	BM 01-50/CC BM 02-50/CC
9.	Bộ phận TN&TKQ Sở Y tế tại TT.HCC	Tiếp nhận Phiếu LLTP từ Bộ phận TN&TKQ Sở Tư pháp, bổ sung thành phần hồ sơ cấp CCHN	5 phút	
10.	Bộ phận chuyên môn của Sở Y tế	Tiếp nhận thành phần Phiếu LLTP bổ sung, hoàn thiện giải quyết công việc theo quy trình	5 phút	
11.	Bộ phận TN&TKQ Sở Y tế tại TT.HCC	Trả kết quả CCHN và Phiếu lý LLTP cho công dân	5 phút	BM 01-50/CC; BM 02-50/CC; BM 03-50/CC; BM 04-50/CC.

## V.2. Thông tin thủ tục hành chính:

### V.2.1. Cấp phiếu lý lịch tư pháp:

TT	Nội dung		
1.	<b>Điều kiện thực hiện TTHC:</b>		
2.	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao</b>
2.1	Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp	01	
2.2	Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân		01
2.3	Số hộ khẩu		01
3.	<b>Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan</b>		
4.	<b>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</b>		
5.	<b>Thời gian xử lý: 10 ngày làm việc (15 ngày đối với trường hợp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài).</b>		
6.	<b>Nơi TN&amp;TKQ: TT.HCC tỉnh - Bộ phận TN&amp;TKQ Sở Tư pháp</b>		
7.	<b>Lệ phí: 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng chẵn).</b>		

### V.2.2. Cấp Chứng chỉ hành nghề được:

TT	Nội dung		
1.	<b>Điều kiện thực hiện TTHC:</b>		
2.	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao</b>

2.1	Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề được thực hiện theo Mẫu số 02 Phụ lục I của Nghị định số 54/2017/NĐ-CP.	01	
2.2	Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả (của Sở Tư pháp về cấp Phiếu lý lịch tư pháp).	01	
2.3	02 (hai) ảnh chân dung cỡ 4cm x 6cm của người đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề được chụp trên nền trắng trong thời gian không quá 06 tháng.	02	
2.4	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp theo quy định tại Luật khám bệnh, chữa bệnh.		01
2.5	Bản sao có chứng thực văn bằng chuyên môn. Đối với các văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải kèm theo bản sao có chứng thực giấy công nhận tương đương của cơ quan có thẩm quyền về công nhận tương đương theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 54/2017/NĐ-CP.		01
2.6	Bản sao có chứng thực căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu.		01
2.7	Phụ lục II: Giấy xác nhận thời gian thực hành tại cơ sở thực hành chuyên môn theo Mẫu số 03 Phụ lục I của Nghị định số 54/2017/NĐ-CP.	01	
2.8	Trường hợp đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề được với phạm vi hoạt động khác nhau và yêu cầu thời gian thực hành, cơ sở thực hành chuyên môn khác nhau thì hồ sơ phải có Giấy xác nhận thời gian thực hành chuyên môn và nội dung thực hành chuyên môn của một hoặc một số cơ sở đáp ứng yêu cầu của mỗi phạm vi, vị trí hành nghề. Trường hợp các phạm vi hoạt động chuyên môn có cùng yêu cầu về thời gian thực hành và cơ sở thực hành chuyên môn thì không yêu cầu phải có Giấy xác nhận riêng đối với từng phạm vi hoạt động chuyên môn.		
2.9	Giấy xác nhận hoàn thành chương trình đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về được đối với trường hợp đã bị thu hồi Chứng chỉ		



	hành nghề được quy định tại Khoản 9 Điều 28 của Luật được.		
2.10	Đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ, phải có các tài liệu chứng minh về việc đáp ứng yêu cầu về sử dụng ngôn ngữ theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật được (Đáp ứng yêu cầu về sử dụng ngôn ngữ trong hành nghề được theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế). Nếu không có, phải có nội dung cam kết có phiên dịch khi hành nghề trong đơn đề nghị.		
3.	<b>Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan</b>		
4.	<b>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</b>		
5.	<b>Thời gian xử lý: 20 ngày làm việc</b>		
6.	<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả: TT.HCC tỉnh - Bộ phận TN&amp;TKQ Sở Y tế</b>		
7.	<b>Lệ phí: 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng chẵn).</b>		

### V.2.3. Cấp Chứng chỉ hành nghề khám chữa bệnh:

TT	Nội dung		
1.	<b>Điều kiện thực hiện TTHC:</b>		
2.	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao</b>
2.1	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP.	01	
2.2	Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả (của Sở Tư pháp về cấp Phiếu lý lịch tư pháp)	01	
2.3	Giấy xác nhận quá trình thực hành theo Mẫu 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP hoặc bản sao hợp lệ các văn bằng tốt nghiệp bác sỹ nội trú, bác sỹ chuyên khoa I, bác sỹ chuyên khoa II, trừ trường hợp là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc người có phương pháp chữa bệnh gia truyền.		01
2.4	Sơ yếu lý lịch tự thuật theo Mẫu 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi công tác đối với người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đang làm việc trong cơ sở y tế tại thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoặc sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú đối với những người xin cấp chứng chỉ hành nghề không làm việc cho cơ sở y tế nào tại thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.	01	
2.5	Bản sao hợp lệ văn bằng chuyên môn phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề, cụ thể như sau: a) Văn bằng chuyên môn y; b) Văn bằng cử nhân y khoa do nước ngoài cấp được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tương đương trình độ đại học nhưng phải kèm theo giấy chứng nhận đã qua đào tạo bổ sung theo ngành, chuyên ngành phù hợp với thời gian đào tạo ít nhất là 12 tháng tại cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Sở Y tế thì được coi là tương đương với văn bằng bác sỹ và được cấp chứng chỉ hành nghề với chức danh là		01

	<p>bác sỹ: c) Văn bằng cử nhân hóa học, sinh học, được sĩ trình độ đại học và phải kèm theo chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận đào tạo chuyên ngành kỹ thuật y học về xét nghiệm với thời gian đào tạo ít nhất là 3 tháng hoặc văn bằng đào tạo sau đại học về chuyên khoa xét nghiệm; d) Giấy chứng nhận là lương y hoặc giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền hoặc người có phương pháp chữa bệnh gia truyền do Bộ trưởng Sở Y tế hoặc Giám đốc Sở Y tế cấp. Trường hợp mất các văn bằng chuyên môn trên thì phải có giấy chứng nhận tốt nghiệp hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận thay thế bằng tốt nghiệp do cơ sở đào tạo nơi đã cấp văn bằng chuyên môn đó cấp.</p>		
2.6	Giấy chứng nhận đủ sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại khoản 6 Điều 23 và khoản 5 Điều 25 Nghị định 109/2016/NĐ-CP cấp.	01	
2.7	02 (hai) ảnh màu 04 cm x 06 cm được chụp trên nền trắng trong thời gian không quá 06 tháng, tính đến ngày nộp đơn;	02	
	<p><i>Ghi chú: Bản sao hợp lệ (theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ) là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc bản sao có chữ ký đối với cá nhân hoặc có chữ ký và đóng dấu đối với tổ chức đã được đối chiếu với bản chính. Trường hợp giấy tờ do tổ chức nước ngoài cấp thì phải hợp pháp hóa lãnh sự và dịch ra tiếng Việt, bản dịch phải được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.</i></p>		
3.	<b>Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan</b>		
4.	<b>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</b>		
5.	<b>Thời gian xử lý: 30 ngày làm việc (180 ngày đối với trường hợp cần xác minh người được đào tạo ở nước ngoài hoặc có chứng chỉ hành nghề do nước ngoài cấp).</b>		
6.	<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả: TT.HCC tỉnh - Bộ phận TN&amp;TKQ Sở Y tế</b>		
7.	<b>Lệ phí: 360.000đ (Ba trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn).</b>		

### V.3. Diễn giải quy trình:

#### V.3.1: Cấp Phiếu lý lịch tư pháp liên thông với việc thực hiện Cấp chứng chỉ hành nghề dược/Khám chữa bệnh

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian (giờ làm việc)	Biểu mẫu/ Kết quả
1.	Nộp hồ sơ liên thông giải quyết TTHC	CD		
2.	Tiếp nhận, hướng dẫn, cung cấp tờ khai yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp.	Bộ phận HT-GS	5 phút	
3.	Chuẩn bị hồ sơ: kê khai thông tin các tờ khai, nộp hồ sơ xin cấp Phiếu lý lịch tư pháp	CD		
4.	Tiếp nhận - Kiểm tra thành phần hồ sơ, trường hợp chưa đầy đủ thì xuất Phiếu Hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ gửi CD. - Trường hợp đầy đủ, đúng thành phần thì xuất Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.	BP TNTKQ Sở Tư pháp	5 phút	Tham chiếu quy trình Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp. BM 01-04/CC: BM 02-04/CC
5.	- Công dân nhận Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả từ Bộ phận TN&TKQ thuộc Sở Tư pháp: tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ (Cấp chứng chỉ hành nghề dược/khám chữa bệnh). Sau đó, nộp vào Bộ phận TN&TKQ thuộc Sở Y tế.	CD		
6.	Tiếp nhận - Kiểm tra thành phần hồ sơ, trường hợp chưa đầy đủ thì xuất Phiếu Hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ gửi CD. - Trường hợp đầy đủ, đúng thành phần thì xuất Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.	BP TNTKQ Sở Y tế	5 phút	Tham chiếu quy trình Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp. BM 01-04/CC BM 02-04/CC
7.	Thực hiện giải quyết công việc theo quy trình	Các bộ phận chuyên môn của Sở: Tư pháp, Y tế	10 ngày (đ/v cấp phiếu LLTP); 20 ngày (đ/v cấp CCHN dược); 30 ngày (đ/v cấp	

			<i>CCHN khám chữa bệnh)</i>	
8.	Dẫn ngày hẹn trả kết quả giải quyết TTHC, Bộ phận TN&TKQ thuộc Sở Tư pháp chuyển kết quả (là Phiếu lý lịch tư pháp) đến Bộ phận TN&TKQ Sở Y tế để hoàn trả cho CD (Phiếu lý lịch Tư pháp và Chứng chỉ hành nghề được/khám chữa bệnh).	<b>Bộ phận TNTKQ Sở Tư pháp</b>	5 phút	BM 01-50/CC BM 02-50/CC
9.	Tiếp nhận Phiếu LLTP từ Bộ phận TN&TKQ Sở Tư pháp, bổ sung thành phần hồ sơ cấp CCHN	<b>Bộ phận TNTKQ Sở Y tế</b>	5 phút	
10.	Tiếp nhận thành phần Phiếu LLTP, bổ sung, hoàn thiện giải quyết công việc theo quy trình	<b>Bộ phận chuyên môn của Sở Y tế</b>	5 phút	
11.	Trả kết quả CCHN và Phiếu LLTP cho công dân	<b>Bộ phận TNTKQ Sở Y tế</b>	5 phút	BM 01-50/CC; BM 02-50/CC; BM 03-50/CC; BM 04-50/CC.
12.	Lưu trữ hồ sơ theo quy định	<b>Cán bộ tiếp nhận Sở Tư pháp và Sở Y tế</b>		

## VI. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM01-04/CC	Phiếu Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM02-04/CC	Phiếu Kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
3	Biểu mẫu kết quả	
3.1	BM 01-50/CC	Phiếu lý lịch tư pháp số 01
3.2	BM 02-50/CC	Phiếu lý lịch tư pháp số 02
3.3	BM 03-50/CC	Chứng chỉ hành nghề y
3.4	BM 04-50/CC	Chứng chỉ hành nghề khám chữa bệnh

## VII. LƯU TRỮ

TT	PL	Tên hồ sơ/ phụ lục (PL)	Mã số	Thời gian lưu trữ	Bộ phận lưu trữ
1	I	Kết quả giải quyết hồ sơ			
2	II	Hồ sơ theo danh mục V.2.1, V.2.2, V.2.3			
3					

2



CHỦ TỊCH

Phan Ngọc Thọ

**PHỤ LỤC**

BM 01-50/CC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày..... tháng ..... năm.....

**PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP SỐ 1**

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.

**XÁC NHẬN:**

1. Họ và tên<sup>2</sup>:..... 2. Giới tính.....

3. Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... 4. Nơi sinh<sup>3</sup>:

5. Quốc tịch:.....

6. Nơi thường trú<sup>4</sup>:

7. Nơi tạm trú<sup>5</sup>:

8. Giấy CMND/Hộ chiếu:.....<sup>6</sup>Số:

Cấp ngày.....tháng.....năm..... Tại:

**9. Tình trạng án tích:**

ST T	SỐ BẢN ÁN; NGÀY THÁNG NĂM; TÒA ÁN ĐÃ TUYÊN	TỘI DANH	HÌNH PHẠT CHÍNH	HÌNH PHẠT BỔ SUNG

**10. Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã<sup>7</sup>:**

.....

SỐ QUYẾT ĐỊNH, NGÀY THÁNG NĂM, TÒA ÁN RA QUYẾT ĐỊNH	
CHỨC VỤ BỊ CẤM ĐAM NHIỆM	

Trang.....  
(Phiếu này gồm có.....trang)

**NGƯỜI LẬP PHIẾU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....<sup>8</sup>  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

*Ghi chú:*

- <sup>1</sup> Ghi rõ tên cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.
- <sup>2</sup> Viết bằng chữ in hoa, đủ dấu.
- <sup>3</sup> Ghi rõ tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương.
- <sup>4</sup> Trường hợp có nơi thường trú và nơi tạm trú thì ghi cả hai nơi.
- <sup>5</sup> Ghi rõ là chứng minh nhân dân hay hộ chiếu.
- <sup>6</sup> Trường hợp cá nhân không có yêu cầu xác nhận thông tin đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì mục 10 không ghi vào Phiếu lý lịch tư pháp số 1.
- <sup>8</sup> Thu trưởng cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp hoặc người được ủy quyền ký Phiếu lý lịch tư pháp.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....  
.....  
Số: ...../.....

....., ngày..... tháng ..... năm...

**PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP SỐ 2**

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp,

**XÁC NHẬN:**

1. Họ và tên<sup>2</sup>..... 2. Giới tính:.....
3. Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... 4. Nơi sinh<sup>3</sup>:.....
5. Quốc tịch:.....
6. Nơi thường trú<sup>4</sup>:.....
7. Nơi tạm trú<sup>5</sup>:.....
8. Giấy CMND/Hộ chiếu : .....<sup>6</sup> Số:  
Cấp ngày.....tháng .....năm..... Tại:
9. Họ và tên cha:
10. Họ và tên mẹ:
11. Họ và tên vợ/chồng:

**12. Tình trạng án tích<sup>7</sup>:**.....

Ban án số ...../..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của Tòa án nhân dân.....	
Tội danh - Điều khoản của Bộ luật hình sự được áp dụng:.....	
Hình phạt chính:.....	
Hình phạt bổ sung:.....	
Nghĩa vụ dân sự, án phí:.....	
Tình trạng thi hành án:.....	
Xóa án tích <sup>8</sup> :.....	
Ghi chú:.....	

**13. Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã:**.....

Số quyết định, ngày tháng năm ra quyết định. Tòa án ra quyết định.	
--	--

Chức vụ bị cấm đảm nhiệm	
Thời hạn không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã	

**NGƯỜI LẬP PHIẾU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....<sup>9</sup>  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

*Ghi chú*

<sup>1</sup> Ghi rõ cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

<sup>2</sup> Viết bằng chữ in hoa, đủ dấu.

<sup>3</sup> Ghi rõ tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

<sup>4,5</sup> Trường hợp có nơi thường trú và nơi tạm trú thì ghi cả hai nơi.

<sup>6</sup> Ghi rõ là chứng minh nhân dân hay hộ chiếu.

<sup>7</sup> Đối với người không bị kết án thì ghi theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 14 Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu số lý lịch tư pháp.

Đối với người đã bị kết án thì ghi theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu số lý lịch tư pháp.

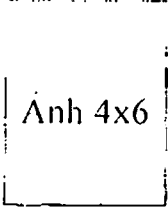
<sup>8</sup> Đối với những án tích đã được xóa thì ghi rõ: Đã được xóa án tích ngày .... tháng.... năm....

Đối với những án tích chưa được xóa thì ghi rõ: Chưa được xóa án tích.

<sup>9</sup> Thủ trưởng cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp hoặc người được ủy quyền ký Phiếu lý lịch tư pháp.

SỞ Y TẾ.....  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----



Ảnh 4x6

**CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DƯỢC**

Số hiệu: /CCHN-D-SYT-...<sup>(1)</sup>  
.....<sup>(2)</sup> .....

Chứng nhận Ông/Bà <sup>(3)</sup>: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Số CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/Các giấy tờ tương đương khác: .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Văn bằng chuyên môn: .....

Phạm vi hoạt động chuyên môn: .....<sup>(4)</sup> .....

Đủ điều kiện hành nghề dược với các vị trí hành nghề sau: .....<sup>(5)</sup> .....

Hình thức cấp Chứng chỉ hành nghề: Xét hồ sơ

Yêu cầu có phiên dịch trong hành nghề<sup>(6)</sup>.

Chứng chỉ hành nghề dược có hiệu lực từ ngày .... tháng ..... năm .....dược

cấp theo Quyết định số: ...../QĐ-SYT ngày ..... tháng ..... năm .....

của Giám đốc Sở Y tế....

*Thay thế cho Chứng chỉ hành nghề dược số..... ngày .... tháng .... năm ..(nếu là trường hợp cấp lại, điều chỉnh).*

..... ngày ..... tháng ..... năm

**CƠ QUAN CẤP**

*(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

UBND TỈNH.....<sup>1</sup>.....  
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...<sup>2</sup>.../...<sup>3</sup>...-CCHN

**CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**  
**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ**

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;  
Xét đề nghị của .....<sup>4</sup>.....,  
Anh

04 cm x 06 cm (ảnh  
màu nền trắng)

**CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH,  
CHỮA BỆNH**  
(Cấp lại lần thứ.....)<sup>5</sup>



Họ và tên: <sup>6</sup> .....  
Ngày, tháng, năm sinh: .....  
Giấy chứng minh nhân dân/Số định danh cá nhân/Số hộ chiếu <sup>7</sup>: .....  
Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....  
Địa chỉ cư trú: .....  
Văn bằng chuyên môn: <sup>8</sup> .....  
Phạm vi hoạt động chuyên môn: <sup>8</sup> .....

.....<sup>10</sup>..... ngày .... tháng .... năm 20....  
**GIÁM ĐỐC<sup>11</sup>**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)